

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 45/2020/QĐST – HNGĐ

L, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 27/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 08/3/1990

Địa chỉ: xóm C, xã K, huyện K, tỉnh Hoà Bình

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/7/1981

Địa chỉ: Tiểu đoàn M, Lữ đoàn B, thị trấn B, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 08/3/1990

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/7/1981

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 09/6/2012 cho chị Bùi Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Văn A đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Văn A mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Văn A đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu của bên được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền T tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003106 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình; Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hoà Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lạc Thủy;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Mai

